

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 318/2021/HC-PT
Ngày 28 tháng 12 năm 2021
V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Vũ Đông

2. Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 453/2021/TLPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST, ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10466/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn F, xã P, huyện D, tỉnh B, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Q, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Th, chức vụ: Phó Chủ tịch, làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê A, vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn C, công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, vắng mặt.

3.2. UBND huyện D, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Q, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Th, chức vụ Phó Chủ tịch, làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Lương L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn J, xã P, huyện D, tỉnh B, vắng mặt.

3.4. Ông Lương L1, sinh năm 1950, có mặt.

3.5. Anh Lương T, sinh năm 1984, vắng mặt.

3.6. Anh Lương T1, sinh năm 1987, vắng mặt.

Cùng có địa chỉ tại: Thôn F, xã P, huyện D, tỉnh B.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện D, tỉnh B, vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Toà án, người khởi kiện là bà Nguyễn T trình bày:

Theo Quyết định số 1217/QĐ-UB ngày 14/7/2005 của UBND huyện D, tỉnh B về việc thu hồi đất để quy hoạch thị tứ G1, xã P, gia đình bà (chủ hộ ông Lương L1 là chồng bà) bị thu hồi 30m² đất thuộc thửa đất số 139 (diện tích 166m²) tại thôn F, xã P, huyện D, tỉnh B. Năm 2010, UBND huyện D có hỗ trợ cho gia đình bà số tiền 4.000.000 đồng cho 10 vụ không canh tác được do san lấp hết kênh mương. Do bị thu hồi đất, gia đình bà đủ tiêu chuẩn để được tham gia bốc vé 01 lô đất ở nhưng bà chưa được tham gia bốc vé 01 lô đất ở theo như tiêu chuẩn. bà đã khiếu nại tới Chủ tịch UBND huyện D. Ngày 26/6/2020, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 2848/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (sau đây viết tắt là Quyết định số 2848), với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn T; bà tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B và được giải quyết bằng Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 2017), với nội dung: Thống nhất với Quyết định số 2848 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn T.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện D và Chủ tịch UBND tỉnh B, bà khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh B giải quyết: Buộc Chủ tịch UBND huyện D giải quyết cho gia đình bà được tham gia bốc vé 01 lô đất ở lần 1 theo đúng biên bản làm việc ngày 27/8/2018; hủy Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện D về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 28 tại khu dân cư mới thôn F, xã P, huyện D (sau đây viết tắt là Quyết định số 2899); hủy Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/4/2021, bà yêu cầu hủy Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B

về giải quyết khiếu nại lần hai của bà.

Chủ tịch UBND và UBND huyện D do ông Nguyễn V, chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo uỷ quyền trình bày:

- Về nội dung đề nghị Tòa án tuyên buộc Chủ tịch UBND huyện D giải quyết cho gia đình bà T được tham gia bốc vé 01 lô đất ở lần 1 theo đúng biên bản làm việc ngày 27/8/2018:

Năm 2005, thực hiện chủ trương thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất sang quy hoạch đất ở tại thị tứ G1, xã P; việc quy chủ sử dụng đất để lập phương án bồi thường được xác định trên cơ sở là các chủ hộ được giao đất nông nghiệp ổn định từ năm 1992–1993 (sổ giao ruộng), chủ hộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính. Hộ gia đình bà Nguyễn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp năm 1999, số vào sổ 00323, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lương L1 (chồng bà Nguyễn T).

Ngày 14/7/2005, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1217/QĐ–UBND về việc thu hồi để quy hoạch đất ở Thị tứ G1; cụ thể: Thu hồi tại thửa đất số 139, diện tích đất là 166m², xứ đồng BB, diện tích đất bị thu hồi là 30m², diện tích đất còn lại là 136m². Phương án bồi thường lập, phê duyệt đứng tên chủ sử dụng đất là ông Lương L1, nguồn gốc sử dụng đất là đất giao ổn định 20 năm, tổng kinh phí bồi thường phê duyệt là 1.002.000 đồng. Hộ ông L1 đã nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ nêu trên (bà Nguyễn T đã ký nhận tiền).

Ngày 20/11/2007, bà Nguyễn T đã chuyển nhượng 168m² diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi được hưởng tiêu chí tại khu đồng BB (diện tích 168m² theo hợp đồng viết tay bao gồm cả diện tích nhà nước chưa thu hồi) cho ông Nguyễn C, thường trú tại thôn K, xã S (cũ) nay là Tổ dân phố K, thị trấn X, huyện D với số tiền là 38.000.000đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Việc giải quyết quyền lợi cho các hộ có diện tích đất bị thu hồi được họp bàn công khai, dân chủ trong Chi bộ và nhân dân. Theo đó thống nhất giải quyết quyền lợi được tham gia đấu giá đất, giao đất ở cho các chủ hộ sử dụng đất đứng tên trong phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt. Ngày 28/8/2009, hộ bà Nguyễn T được bốc phiếu lô đất số 28, vị trí 2, giao theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (nội bộ). Bà T đã ký vào danh sách bốc phiếu và được ông Trưởng thôn, Bí thư Chi bộ thôn F, cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã P xác nhận.

Ngày 08/9/2009, UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất số 2899/QĐ–UBND cho ông Nguyễn C.

Hiện nay, hộ gia đình bà Nguyễn T đang sử dụng đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ 69, diện tích 812,7 m², trong đó đất ở nông thôn là 400m²; đất trồng cây lâu năm là 412,7m² tại thôn F, xã P, huyện D, tỉnh B; thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 015105 do UBND huyện D cấp ngày 05/4/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định “*Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng,*

nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”.

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định “*Người bị thu hồi đất đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi; trường hợp bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc bằng nhà, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thực hiện thanh toán bằng tiền”.*

- Về nội dung đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2899:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền đấu giá được UBND huyện D thực hiện theo đúng Quyết định số 216/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Điều 7, 8, 9, 10, 11 và Điều 13 của Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh B về việc ban hành bảng quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh B.

Căn cứ vào kết quả trúng đấu giá, Chủ tịch UBND huyện D đã ban hành Quyết định số 2899 cho người trúng đấu giá là ông Nguyễn C. Ngày 09/9/2009, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở huyện D đã có thông báo cho ông C nộp 64.800.000đ, ông C đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2848:

Căn cứ vào hồ sơ giải quyết đơn thư, khiếu nại của tổ công tác theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xác minh nội dung khiếu nại của công dân; Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc gia hạn thời gian xác minh nội dung khiếu nại, căn cứ vào các tài liệu và Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện D đã giải quyết là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định.

Do vậy, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T.

Tại văn bản trình bày quan điểm và các tài liệu kèm theo, Chủ tịch UBND tỉnh B do ông Nguyễn C, công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đại diện theo uỷ quyền trình bày:

- UBND huyện D thu hồi và bồi thường hộ bà T diện tích 30m² đất nông nghiệp để xây dựng hạ tầng giao đất ở tại khu quy hoạch thị tứ G1, xã P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 42 và khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-UBND ngày 31/01/2005 của UBND tỉnh quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Việc bà T đề nghị được giao 01 lô đất ở khi UBND huyện D thu hồi diện tích

30m² đất nông nghiệp là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

- Khi UBND huyện D cho phép các hộ có đất nông nghiệp bị thu hồi (để xây dựng hạ tầng và giao đất ở khu quy hoạch thị tứ G1, xã P) được tham gia đấu giá (đấu giá nội bộ) giao đất ở, hộ bà T bị thu hồi 30m² đất nông nghiệp cũng được 01 suất tham gia đấu giá. Tuy nhiên, hộ bà T đã chuyển nhượng quyền đấu giá lô đất cho ông Nguyễn C (trú tại thôn K, xã S, huyện D). Ông C trúng đấu giá diện tích 81m² phân lô số 28, đã có Quyết định phê duyệt của UBND huyện, đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền đất, đã được cấp Giấy CNQSD đất là phù hợp.

- Quyết định số 2848 là khách quan, bà T khiếu nại là không có căn cứ pháp luật. Do vậy, Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T là khách quan, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T.

Tại văn bản trình bày quan điểm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương L1, anh Lương T và anh Lương T1 trình bày:

Ông L1 là chồng của bà Nguyễn T, anh T và anh T1 là con của bà Nguyễn T. Toàn bộ nội dung vụ việc bà Nguyễn T đã trình bày cụ thể trong đơn khởi kiện gửi cho Tòa án nêu rõ ý kiến, yêu cầu của người khởi kiện trong vụ án. Ông L1, anh T và anh T1 đồng ý với lời khai, ý kiến và quan điểm của bà T đã trình bày, không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản trình bày quan điểm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương L trình bày:

Chị là con gái của bà Nguyễn T. Toàn bộ nội dung vụ việc bà Nguyễn T đã trình bày cụ thể trong đơn khởi kiện gửi cho Tòa án, nêu rõ ý kiến, yêu cầu của người khởi kiện trong vụ án trên. Năm 1999, chị vẫn chung sống và đăng ký hộ khẩu chung cùng với bố mẹ chị là ông Lương L1 và bà Nguyễn T. Chị đã kết hôn và lập gia đình về sống tại thôn J, xã P, không còn sống tại thôn F cùng bố mẹ đẻ chị nữa. Vì vậy, chị không liên quan đến yêu cầu khởi kiện trong vụ án trên của bà Nguyễn T, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST ngày 30/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Điều 21, 29, 30, 31, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 6 và Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T về việc đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Chủ tịch UBND huyện D giải quyết cho gia đình bà được tham gia bốc vé 01 lô đất ở làn 1 theo đúng biên bản làm việc ngày 27/8/2018; hủy Quyết

định số 2899/QĐ–UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện D về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 28 tại khu dân cư mới, tại thôn F, xã P, huyện D, tỉnh B đối với ông Nguyễn C; hủy Quyết định số 2848/QĐ–UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T (lần đầu); hủy Quyết định số 2017/QĐ–UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2021, người khởi kiện bà Nguyễn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện: Buộc Chủ tịch UBND huyện D giải quyết cho gia đình bà được tham gia bốc vé 01 lô đất ở lần 1 theo đúng biên bản làm việc ngày 27/8/2018; hủy Quyết định số 2899/QĐ–UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện D về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 28 tại khu dân cư mới thôn F, xã P, huyện D; hủy Quyết định số 2848/QĐ–UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại của bà (lần đầu); hủy Quyết định số 2017/QĐ–UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà (lần hai). Yêu cầu xác định ai là người đã ký trong biên bản ký nhận bốc phiếu đấu giá đất ngày 28/8/2009 và huỷ bỏ xác nhận của UBND xã P và huỷ hợp đồng viết tay ngày 20/11/2007 với lý do thủ tục chuyển nhượng chưa hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà Nguyễn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Người bị kiện và đại diện của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương L1 đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Xét kháng cáo của người khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính tuyên không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC–ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa

và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn T làm trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; bà T thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết.

[1.2] Người bị kiện và đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; có mặt 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lương L1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để tiến hành việc xét xử.

[1.3] Bà Nguyễn T khởi kiện buộc Chủ tịch UBND huyện D giải quyết cho gia đình bà được tham gia bốc vé 01 lô đất ở lần 1 theo đúng biên bản làm việc ngày 27/8/2018; yêu cầu hủy Quyết định số 2899 về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở; hủy Quyết định số 2848 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và hủy Quyết định số 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về giải quyết khiếu nại (lần hai); đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, xét xử đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3, Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; xác định đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.4] Bản án sơ thẩm xác định Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà T là đối tượng khởi kiện giải quyết trong vụ án nhưng lại xác định Chủ tịch UBND tỉnh B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND tỉnh B đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo tham gia các phiên họp, các phiên làm việc và thông báo tham gia các phiên tòa đầy đủ; đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND tỉnh B đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Xét thấy vi phạm này của cấp sơ thẩm là không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án, không làm mất quyền và nghĩa vụ của các đương sự tham gia trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện D giải quyết cho gia đình

bà được tham gia bốc vé 01 lô đất ở làn 1 khi thu hồi đất theo biên bản làm việc ngày 27/8/2018.

Ngày 14/7/2005, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 1217/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1218/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để quy hoạch đất ở Thị tứ G1. UBND huyện D đã thu hồi diện tích 30m² đất nông nghiệp trong tổng diện tích 166m² tại thửa đất số 139 theo bản đồ trích đo giải phóng mặt bằng (nguyên là thửa số 40 tại GCNQSD đất do UBND huyện D cấp năm 1999 – BL số 11) tại xứ đồng BB, xã P, huyện D, tỉnh B của hộ gia đình bà T; diện tích đất còn lại hộ gia đình bà T vẫn quản lý, sử dụng là 136m². UBND huyện D đã lập phương án và bồi thường cho hộ gia đình bà T (chủ sử dụng đất là ông Lương L1) tổng số tiền là 1.002.000 đồng. Hộ ông L1 và bà Nguyễn T đã đồng ý với việc thu hồi đất, đồng ý với giá bồi thường và ký nhận tiền, không có khiếu kiện, khiếu nại gì đối với hai quyết định nêu trên.

Theo quy định khoản 1 Điều 38. Khoản 1 Điều 42 và khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình ông L1 bà T không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư nhưng theo nguyện vọng của nhân dân, UBND huyện D đã cho các hộ có đất nông nghiệp bị thu hồi được tham gia đấu giá đất nội bộ để giao đất ở, hộ ông L1 bà T cũng được tham gia đấu giá 01 suất; ngày 28/8/2009, hộ ông L1 bà T được bốc phiếu lô đất số 28, vị trí 2, bà T đã ký vào danh sách bốc phiếu và được ông Trưởng thôn, Bí thư Chi bộ thôn F, cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã P xác nhận. Tuy nhiên, sau đó hộ bà T đã chuyển nhượng quyền đấu giá lô đất trên cho ông Nguyễn C (trú tại thôn K, xã S, huyện D); ông C trúng đấu giá diện tích 81m² phân lô số 28 và đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất nên ngày 08/9/2009, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2899 phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn C và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà T thừa nhận ngày 20/11/2007 đã chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp có diện tích 30m² bị thu hồi (bao gồm cả diện tích nhà nước chưa thu hồi) cho ông Nguyễn C, trú tại thôn K, xã S (cũ) nay là Tổ dân phố K, thị trấn X, huyện D với số tiền theo giấy tờ là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng), thực tế đã nhận số tiền là 37.500.000 đồng.

Hiện tại gia đình bà Nguyễn T đã có đất ở và đang sử dụng thửa đất số 36, tờ bản đồ 69, diện tích 812,7m², trong đó đất ở nông thôn là 400m²; đất trồng cây lâu năm là 412,7m² tại thôn F, xã P, huyện D, tỉnh B, đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 015105, ngày 05/4/2019. Tại phiên toà, bà T thừa nhận đang sử dụng thửa đất trên và khai năm 2019 đã bán ½ diện tích đất để lấy tiền chi tiêu gia đình.

Biên bản làm việc ngày 27/8/2018 là biên bản xác minh tố cáo đối với Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện D, tỉnh B. Nội dung

biên bản làm việc là ghi nhận ý kiến của bên tố cáo và các thành phần tham gia, không phải là biên bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định về việc cho hộ gia đình bà T tham gia bốc vé mua đất như ý kiến của bà T.

Như vậy, khi thu hồi 30m² đất nông nghiệp của hộ gia đình ông L1 bà T để quy hoạch đất ở Thị tứ G1, UBND huyện D đã thực hiện việc hỗ trợ, bồi thường theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình ông L1 bà T.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2899/QĐ–UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện D về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở lô số 28 tại khu dân cư mới thôn F, xã P, huyện D:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 127 Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Điều 13 của Quyết định số 32/2008/QĐ–UBND ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh B về việc ban hành bảng quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh B.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định: Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất huyện D đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất. Trên cơ sở Biên bản trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở ngày 06/9/2009 và Tờ trình số 01/TTr–HĐĐG ngày 07/9/2009, Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định nêu trên là đảm bảo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11 Quyết định số 32/2008/QĐ–UBND ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh B về việc ban hành bảng quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh B.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2848/QĐ–UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T (lần đầu):

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về thời hạn ban hành quyết định: Ngày 26/6/2020, Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định là đảm bảo về thời hạn theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của bà Nguyễn T, Chủ tịch UBND huyện D đã giao cho cơ quan chuyên môn xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại. Căn cứ Điều 29, 30 Luật Khiếu nại năm 2011, ngày 26/6/2020 Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định là đảm bảo quy định của pháp luật.

- Về nội dung, hình thức của quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện D đã thể hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2017/QĐ–UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T (lần hai):

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011,

- Về thời hạn ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định là đúng thời hạn quy định Điều 37 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của bà Nguyễn T, Chủ tịch UBND tỉnh B đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại lần hai. Trên cơ sở kết quả tiến hành đối thoại và báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định là đúng trình tự, thủ tục theo quy định Điều 38, 39 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về hình thức và nội dung của quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B đã thể hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.5] Đối với kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, xác định chữ ký trong biên bản ký nhận bốc phiếu đấu giá đất ngày 28/8/2009 và huỷ bỏ xác nhận của UBND xã P: Về nội dung này như đã phân tích tại mục [2.1], hộ gia đình bà T không thuộc đối tượng được bố trí đất ở tái định cư mà chỉ được bồi thường giá trị đất trên diện tích đất bị thu hồi. Việc UBND huyện D giải quyết cho hộ gia đình bà T được tham gia bốc phiếu đấu giá đất theo hình thức đấu giá nội bộ là ngoài nội dung giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện quy hoạch đất ở thị tứ G1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Đối với kháng cáo yêu cầu huỷ hợp đồng viết tay ngày 20/11/2007 giữa gia đình bà với ông Nguyễn C: Yêu cầu này của bà T là vượt quá phạm vi khởi kiện nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết. Trường hợp bà Nguyễn T có yêu cầu thì có quyền làm đơn khởi kiện đến Toà án nhân dân có thẩm quyền để được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Điều 6 và Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ xác định diện tích đất đã thu hồi của hộ gia đình bà Nguyễn T không đủ điều kiện để được đền bù về đất mà chỉ được bồi thường giá trị trên diện tích đất bị thu hồi; xác định Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện D về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở, Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T lần đầu và Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn T lần hai được ban hành đúng về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục, hình thức và nội dung, đồng thời xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T là có căn cứ pháp luật; không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng cáo của bà Nguyễn T; cần giữ nguyên quyết định của bản

án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên toà là phù hợp.

Các quyết định hành chính có liên quan gồm: Quyết định số 1217/QĐ–UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1218/QĐ–UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng ngày 14/7/2005 của UBND huyện D, tỉnh B đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá tính hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn T do thuộc đối tượng người cao tuổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo; xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC–ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng